

PHỤ LỤC
DANH MỤC VẬT TƯ

No	Assembling Drawing NO	P.No	Description	Material	Q'ty	Remarks
Stt	Số bản vẽ lắp ráp	Số chi tiết	Mô tả tên hàng	Vật liệu (Chính)	Số lượng	Ghi chú
A <u>SPARE PARTS FOR THRUSTER MODEL MODEL TFN-300 OF PTSC 09</u> (Phụ kiện cho chân vịt mũi model TFN-300 của tàu PTSC 09)						
1	FG0000-001-11	P/№	<u>17</u> SHAFT LINER <i>Ống lót bao trục chân vịt</i>	SUS316	1	pc/ cái
2	FG0000-001-11	P/№	<u>46</u> HEX HD BOLT <i>Bu lông đầu lục giác</i>	SUS304	16	pc/ cái
3	FG0000-001-11	P/№	<u>54</u> OIL SEAL <i>Gioăng làm kín dầu cao su</i>	NBR	3	pc/ cái
4	FG0000-001-11	P/№	<u>55</u> OIL SEAL <i>Gioăng làm kín dầu cao su</i>	NBR	2	pc/ cái
5	FG0000-001-11	P/№	<u>56</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
6	FG0000-001-11	P/№	<u>57</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
7	FG0000-001-11	P/№	<u>58</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
8	FG0000-001-11	P/№	<u>59</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
9	FG0000-001-11	P/№	<u>60</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
10	FG0000-001-11	P/№	<u>61</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
11	FG0000-001-11	P/№	<u>62</u> O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái
12	FG0000-001-11	P/№	<u>66</u> LOCKING WIRE <i>Dây khóa thép không gỉ</i>	SUS304	8	m
13	FG0000-001-11	P/№	<u>72</u> SEAL WASHER <i>Vòng đệm bằng thép không gỉ</i>	SUS304	6	pc/ cái
14	FG1000-209-1	P/№	<u>108</u> PACKING <i>Tấm đệm kín</i>	OIL SHEET	1	pc/ cái
15	FG1000-209-1	P/№	<u>121</u> SEAL WASHER <i>Vòng đệm bằng thép không gỉ</i>	SUS304	10	pc/ cái

16	FG1000-209-1	P/№	<u>122</u>	LOCKING WIRE <i>Dây khóa thép không gỉ</i>	SUS304	4	m	
17	FG2000-209-0	P/№	<u>205</u>	GASKET <i>Tấm đệm làm kín bằng sợi dệt</i>	FIBER FLEX	2	pc/ cái	
18	FG2000-209-0	P/№	<u>206</u>	SEAL RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	2	pc/ cái	
19		P/№		ZN ANODE <i>Tấm kẽm chống ăn mòn</i>		3	pc/ cái	
SUB-TOTAL 1 / TỔNG GIÁ PHỤ 1						65		

B SPARE PARTS FOR THRUSTER MODEL MODEL TFN-200S OF PTSC 10

(Phụ kiện cho chân vịt mũi model TFN-200S cho tàu PTSC 10)

20	FF0000-003-5	P/№	<u>17</u>	SHAFT LINER <i>Ổng lót bao trục chân vịt</i>	SUS316	1	pc/ cái	#REF!
21	FF0000-003-5	P/№	<u>51</u>	HEX HD BOLT <i>Bu lông đầu lục giác</i>	SUS304	6	pc/ cái	#REF!
22	FF0000-003-5	P/№	<u>71</u>	TONGUED WASHER <i>Vòng đệm chống trượt thép không gỉ</i>	SUS	9	pc/ cái	#REF!
23	FF0000-003-5	P/№	<u>36</u>	PACKING <i>Tấm đệm kín</i>	OIL SHEET	1	pc/ cái	#REF!
24	FF0000-003-5	P/№	<u>44</u>	OIL SEAL <i>Gioăng làm kín dầu cao su</i>	NBR	3	pc/ cái	#REF!
25	FF0000-003-5	P/№	<u>45</u>	OIL SEAL <i>Gioăng làm kín dầu cao su</i>	NBR	2	pc/ cái	#REF!
26	FF0000-003-5	P/№	<u>60</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
27	FF0000-003-5	P/№	<u>61</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
28	FF0000-003-5	P/№	<u>62</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
29	FF0000-003-5	P/№	<u>63</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
30	FF0000-003-5	P/№	<u>64</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
31	FF0000-003-5	P/№	<u>65</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
32	FF0000-003-5	P/№	<u>66</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	1	pc/ cái	#REF!
33	FF0000-003-5	P/№	<u>67</u>	O RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	2	pc/ cái	#REF!

34	FF0000-003-5	P/№	<u>70</u>	LOCKING WIRE <i>Dây khóa thép không gỉ</i>	SUS304	7	m	#REF!
35	FF2000-545-0	P/№	<u>205</u>	GASKET <i>Tấm đệm làm kín bằng sợi dệt</i>	FIBER FLEX	2	pc/ cái	#REF!
36	FF2000-545-0	P/№	<u>206</u>	SEAL RING <i>Vòng đệm làm kín cao su</i>	NBR	2	pc/ cái	#REF!
37		P/№		ZN ANODE <i>Tấm kẽm chống ăn mòn</i>		2	pc/ cái	#REF!